

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số : 115/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến.

2. Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân, Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Kim T1**, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Y, xã M, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Cháu Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Cháu Nguyễn Văn H, sinh năm: 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Cháu Nguyễn Hữu S, sinh năm: 2012.

Cùng địa chỉ: khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của chị Thạch Thị Kim T1 như sau:*

Chị T1 và anh T2 chung sống vào năm 1998, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 03 con chung Nguyễn Văn T3 sinh năm 1999; Nguyễn Văn H sinh năm 2000; Nguyễn Hữu S sinh năm 2012 tất cả đang sống với chị T1.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh T2 hay nhậu về đánh đập chị T1 nhiều lần khuyên không nghe nên hai người đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nữa nên yêu cầu tòa giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.*

** Cháu Nguyễn Văn T3 có tự khai: Ba và mẹ ly hôn cháu không có ý kiến. Do bận đi làm ăn xa (cháu cũng trưởng thành) nên cháu không tham gia yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt*

** Cháu Nguyễn Văn H có tự khai: Ba và mẹ ly hôn cháu không có ý kiến. cháu có nguyện vọng sống với mẹ .Do bận đi làm ăn xa nên cháu không tham gia yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt anh T2.

Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T1 vẫn giữ quan điểm ly hôn, anh T2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do cũng không có gửi văn bản trả lời cho Tòa án biết. Xét thấy: Quá trình chung sống chị T1 và anh T2 thường xảy ra cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, trong thời gian ly thân cũng không ai tới lui chăm sóc cho nhau cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xử án chấp nhận yêu cầu của chị T1 cho chị được ly hôn với anh T2 là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn T3 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu Nguyễn Văn H cũng có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Nguyễn Hữu S còn nhỏ do chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu nên Hội đồng xử án chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 5; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị Kim T1 cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

- **Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu của chị T1 cho chị được tiếp tục nuôi con Nguyễn Văn H sinh năm 2000 và Nguyễn Hữu S sinh năm 2012.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xử án không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Buộc chị T1 phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012166 ngày 9/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị T1 không phải nộp nữa.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H.Châu Thành
- CCTHADS H. Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 27 tháng 9 năm 2017

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Dương Văn Đến.

2/ Bà Trần Thị Sang.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 214/2017/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2017, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Kim Thảo, sinh năm: 1982

Địa chỉ: khu phố Láng 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Thòn, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp Ông Yển, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Cháu Nguyễn Văn Thái sinh năm: 1999.

2/ Cháu Nguyễn Văn Hòa sinh năm: 2000.

3/ Cháu Nguyễn Hữu Sang sinh năm: 2012.

Cùng địa chỉ: khu phố Láng 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 5; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị Kim Thảo cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thòn.

- **Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu của chị Thảo cho chị được tiếp tục nuôi con Nguyễn Văn Hòa sinh năm 2000 và Nguyễn Hữu Sang sinh năm 2012.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xử án không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

- **Về án phí:** Buộc chị Thảo phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012166 ngày 9/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị Thảo không phải nộp nữa.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Đến

Trần Thị Sang

Đỗ Thị Thu Hằng